

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - TP. HÀ NỘI**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ - ST

Ngày 07 tháng 01 năm 2026.

V/v: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TP. HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trương Văn Kề.

+ Ông Nguyễn Đại Huy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thái Bình, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp: “*Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2025/QĐXX - ST ngày 05 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 224/2025/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích T, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Thôn Hà T, xã SH, Thành phố Hà Nội.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm: 1970;

HKTT: Thôn Hà T, xã SH, Thành phố Hà Nội.

(Anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và giải tự khai ngày 06/10/2025 chị Phạm Thị Bích T trình bày như sau:

Bà T và ông Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện BV cũ nay là xã SH, thành phố Hà Nội ngày 29/06/2019. Sau khi cưới xong vợ, chồng chung sống với nhau ngay tại thôn Hà T, xã SH, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ, chồng bà T và ông H luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau, căng thẳng, gây áp lực sống trong thời gian dài cho nhau nhưng bà T vẫn phải sống với ông H là vì con chung còn nhỏ. Mặc dù nay bà T và ông H vẫn sống với nhau cùng một nhà tuy nhiên bà T và ông H không còn tình cảm gì với nhau nữa, không ai quan tâm đến ai, ông H thường xuyên đi làm từ sáng đến tối mới về nhà ngủ, ông H làm gì, ở đâu bà T không quan tâm.

Nay bà T xác định tình cảm giữa bà T và ông H không còn gì nên bà T đã nộp đơn khởi kiện ông H đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội giải quyết cho bà T được ly hôn ông H để giải phóng cho bà T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà T và ông H có 01 con chung, cháu Lê Nhật Q, sinh ngày: 22/01/2005 đã trưởng thành không bị nhược điểm và thể chất. Hiện nay cháu Q đang ở với ông H. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của bà T là cháu Q sẽ ở với bố cháu là ông Lê Văn H. Bà T và ông H đều phải có trách nhiệm chung với con.

Về tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập nhiều lần cho ông Lê Văn H nhưng ông H không đến Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội để tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Nên Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật tại: Nhà văn hóa thôn Hà T, xã SH, thành phố Hà Nội và tại trụ sở UBND xã SH, tại trụ sở TAND.

Khu vực 9, thành phố Hà Nội đúng theo quy định của pháp luật. Ngày 14/10/2025 cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội đã đến trụ sở UBND xã SH, thành phố Hà Nội để xác minh và tiến hành lấy lời khai của cháu Lê Nhật Q là con của bà T và ông H với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của bà T và ông H, kết quả cháu Q cho biết: Việc bố H, mẹ T cháu mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, cháu Q đã khuyên giải nhiều lần nhưng bố, mẹ vẫn không tự dàn xếp được với nhau được để chung sống đoàn tụ. Nay bố H, mẹ T cháu ly hôn hay tiếp tục chung sống với nhau, cháu Q không can thiệp. Bố Lê Văn H cháu đã được Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội gửi thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập, triệu tập bố H nhiều đến Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội để giải quyết vụ án ly hôn do mẹ T yêu cầu. Bố H đã nhận các văn bản trên của Tòa án khu vực 9, thành phố Hà Nội nhưng bố H không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của mẹ T. Nay mẹ T cháu yêu cầu ly hôn bố H, cháu có quan điểm như sau: Mẹ T, bố H trong cuộc sống gia đình đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài, bản thân cháu là con đã khuyên bảo, thuyết phục, động viên để bố mẹ sống đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vì vậy, nay mẹ T cháu đã có đơn yêu cầu ly hôn bố H, cháu đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử cho mẹ T được ly hôn bố H để giải phóng cho cả hai bên. Về tài sản chung trong gia đình, mẹ T cháu không yêu cầu Tòa án giải quyết, bản thân cháu không có đóng góp gì đối với khối tài sản chung của gia đình nên cháu không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Phạm Thị Bích T có đơn xin vắng mặt. Anh Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của chị Phạm Thị Bích T, lời khai anh Lê Nhật Q và các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án.

Đại diện VKSND khu vực 9, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm như sau: Về việc tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội đối với các đương sự: Qua tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký và Hội Đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hôm nay sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng theo qui định của pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm

Thị Bích T. Cho bà Phạm Thị Bích T được ly hôn ông Lê Văn H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn bà T và ông H có 01 con chung, anh Lê Nhật Q, sinh ngày: 22/01/2005. Hiện nay cháu Lê Nhật Q đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề giải quyết nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản riêng: Theo bà T xác định không có, do ông H vắng mặt nên hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung, công sức: Bà T không yêu cầu giải quyết, ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, xét xử. Nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

Về công nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Tòa án chưa giải quyết.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Lê Văn H có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Hà Tân, xã Suối Hai, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị Bích T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội triệu tập và tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội để tham gia tố tụng giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa xét xử vụ án ly hôn theo yêu cầu của bà T do đó Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội đã niêm yết các văn bản tố tụng anh H được nhận theo qui định của pháp luật nhưng đến nay anh H vẫn vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh H theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Bích T và ông Lê Văn H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì cũ nay là xã Suối hai, thành phố Hà Nội ngày 29/06/2019. Sau khi cưới xong vợ, chồng ông H, bà T chung sống với nhau ngay tại thôn Hà Tân, xã Suối Hai, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ, chồng luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, căng thẳng, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài hai bên không tìm ra biện pháp cải thiện tình cảm vợ, chồng. Do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ, chồng giữa bà T và ông H trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ, chồng giữa bà T và ông H không thể tiếp tục duy trì. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H, cho bà T được ly hôn ông H để giải phóng cho bà T.

2.2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà T và ông H có 01 con chung, cháu Lê Nhật Q, sinh ngày: 22/01/2005. Hiện nay cháu Lê Nhật Q đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên không giải quyết con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản riêng: Theo bà T xác định không có, do ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.4. Về tài sản chung, công sức: Bà T không yêu cầu giải quyết, ông H không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, xét xử vụ án. Nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.5. Về công nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.6. Về án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 4, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Bích T đối với ông Lê Văn H.

2. Cho bà Phạm Thị Bích T được ly hôn ông Lê Văn H.

2.1. Con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Nhật Q, sinh ngày: 22/01/2005 đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên không giải quyết.

2.2. Về tài sản riêng: Chưa giải quyết.

2.3. Tài sản chung, công sức chung: Chưa giải quyết.

2.4. Công nợ chung: Chưa giải quyết.

3. Án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số: 0010021 ngày 02 tháng 10 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, thành phố Hà Nội. Nay khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ vào khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm bà T phải nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Bích T và ông Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TP Hà Nội;
- VKSND. KV 9, TP. Hà Nội;
- Phòng THADS. KV 9, TP. Hà Nội;
- UBND xã SH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Thương

